

Sự nghiệp đổi mới kinh tế ở nước ta trong những năm đầu thập kỷ 90 đã tạo ra động lực to lớn để phát triển mạnh mẽ nền kinh tế. GDP tăng trưởng với tốc độ cao và liên tục đã làm cho bộ mặt kinh tế - xã hội đất nước có những chuyển biến đáng kể, đời sống nhân dân nhờ đó được cải thiện một bước quan trọng.

Tuy nhiên, cũng như các nước mới chuyển sang kinh tế thị trường, chúng ta đang phải đối mặt với những vấn đề xã hội gay gắt, nổi bật là việc làm, sự phân hóa giàu nghèo, sự bất bình đẳng xã hội, vấn đề gia tăng của tệ nạn xã hội... Đó là những thực tế đang đòi hỏi phải có biện pháp giải quyết.

Cùng chính từ đó mà hàng loạt câu hỏi đang được đặt ra: giữa tăng trưởng kinh tế và các vấn đề xã hội có mối quan hệ như thế nào? Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội có phải là điều không thể tránh khỏi trong điều kiện phát triển nhanh chóng kinh tế hay không? Làm thế nào để có chiến lược phát triển mà vừa bảo đảm tốc độ phát triển kinh tế cao lại vừa hạn chế bớt được phân hóa giàu nghèo? Nhà nước có vai trò gì trong việc này?... Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được góp một số ý kiến ban đầu về sự phân hóa giàu nghèo trong quan hệ với phát triển kinh tế ở nước ta trong quá trình đổi mới kinh tế những năm gần đây nhằm góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề trên.

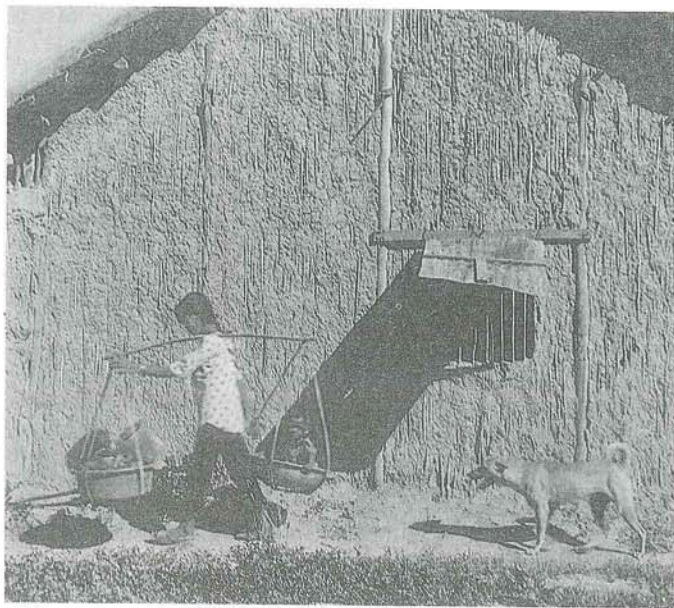
1. Phải chăng có sự liên quan giữa phát triển kinh tế và phân hóa giàu nghèo?

Cho đến nay, mối liên hệ giữa phát triển kinh tế và các vấn đề xã hội nói chung, giữa phát triển kinh tế và phân hóa giàu nghèo nói riêng còn có nhiều ý kiến trái ngược nhau. Một số ý kiến cho rằng chúng có liên hệ hữu cơ với nhau và như vậy họ cho rằng các vấn đề xã hội nảy sinh là tất yếu trong phát triển kinh tế và nếu chấp nhận một chiến lược phát triển kinh tế cao nghĩa là phải chấp nhận sự trả giá của nó là tăng thêm những chi phí để giải quyết các vấn đề xã hội. Một số ý kiến khác lại cho rằng không có cơ sở để khẳng định mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và các vấn đề xã hội bởi vì nếu có chiến lược phát triển kinh tế vững chắc, ổn định thì không những không gia tăng các vấn đề xã hội mà giải quyết các vấn đề xã hội cũng có thể được bảo đảm hơn. Rõ ràng, các ý kiến trên có mâu thuẫn nhau về cách đặt vấn đề cũng như phương hướng và chính sách giải quyết.

Tuy các vấn đề trên có quan điểm khác nhau nhưng mọi người dường như lại rất đồng tình với vấn đề đặt ra là "phát triển kinh tế phải gắn liền với việc giải quyết các vấn đề xã hội". Vậy những vấn đề xã hội nảy sinh từ đâu và tại sao lại đặt ra nhiệm vụ gắn liền giữa hai mặt khác nhau trong quá trình phát triển đó?

Có thể coi những vấn đề xã hội là những khiếm khuyết của quá trình phát triển kinh tế - xã hội mà sự phát triển của kinh tế thị trường đã làm cho những vấn đề xã hội đó có điều kiện bộc lộ một cách rõ nét hơn. Sự cạnh tranh về kinh tế sẽ đi đến phát triển công nghệ và làm thay đổi yêu cầu về lao động, từ đó dẫn đến vấn đề việc làm và thất nghiệp của kinh tế thị trường. Trong tranh chấp gay gắt của thị trường, một bộ phận dân cư trong xã hội ngày càng trở nên giàu có trong khi một bộ phận khác ngày càng trở nên khó khăn hơn đã tạo ra sự phân hóa xã hội và dẫn đến phân tầng xã hội. Vấn đề công bằng, bình đẳng trong xã hội ngày càng trở nên phức tạp một khi sự phân hóa đã hình thành và ngày càng phát triển. Ảnh hưởng của các mặt xã hội trên dẫn đến sự gia tăng các tệ nạn xã hội... Nếu nhìn một cách tổng quát có thể thấy các vấn đề xã hội như là "hệ quả tất yếu" của phát triển kinh tế thị trường.

Tuy vậy, cho đến nay chưa có lý thuyết kinh tế nào chứng minh được là có sự liên hệ giữa phát triển kinh tế và các vấn đề xã hội. Nếu phát triển kinh tế vững chắc



PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ Ở NƯỚC TA

PTS. LÊ HỮU ẢNH

và có chiến lược giải quyết các vấn đề xã hội đúng đắn thì không những không gia tăng các vấn đề xã hội mà còn góp phần tăng cường phát triển kinh tế. Các nước và các khu vực lãnh thổ có tốc độ phát triển cao trên thế giới như Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Malaysia, Chile... lại là những nơi có sự phân hóa xã hội thấp. Ngược lại, các nước có tốc độ phát triển kinh tế thấp như Philippines, Pêru, Pakistan, các nước Á Rập và các nước châu Phi thì sự phân hóa xã hội lại cao. Rõ ràng giữa phát triển kinh tế và phân hóa xã hội không thể được coi là có sự liên quan trực tiếp với nhau.

Trong điều kiện các nước đang phát triển và mới chuyển sang kinh tế thị trường, sự gia tăng các vấn đề xã hội thường do việc hoạch định các chính sách giải quyết chưa đầy đủ cũng như tiềm lực để giải quyết chúng còn hạn chế. Nhiều khi cũng có thể là do chưa hình dung hết những diễn biến của chúng. Sự tăng trưởng kinh tế trong đổi mới ở nước ta những năm gần đây đã tạo ra được

những thay đổi đáng kể trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhưng cũng qua đó chúng ta thấy được sự gia tăng các vấn đề xã hội. Nếu chúng ta mong muốn giải quyết vấn đề đói nghèo thì nhờ tăng trưởng kinh tế một bộ phận dân cư nghèo đói đã được cải thiện điều kiện và mức sống so với trước đây thì chúng ta lại gặp phải sự phân hóa giàu nghèo. Khi đó, bộ phận dân cư trên mặc dù được cải thiện mức sống nhưng thực tế lại vẫn là bộ phận đói nghèo trong xã hội khi sự phân hóa giàu nghèo phát triển.

Sự phân hóa giàu nghèo trước hết tạo ra các bộ phận dân cư có mức độ chênh lệch đáng kể về thu nhập, sau đó dẫn đến sự phân tầng xã hội tức là sự phân chia xã hội thành các giai tầng có sự khác nhau về kinh tế, quyền lực và uy tín. Đây là cơ sở để hình thành các mâu thuẫn và xung đột xã hội. Rõ ràng, để bảo đảm mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, việc nghiên cứu và giải quyết vấn đề xã hội nói chung, phân hóa giàu nghèo và sự phân tầng xã hội nói riêng không thể không đặt ra trong mối quan hệ phát triển kinh tế ổn định và lâu dài.

2. Thực trạng sự phân hóa giàu nghèo trong những năm đổi mới ở nước ta

Từ một xã hội bao cấp nặng nề và toàn diện bước sang kinh tế thị trường chúng ta không thể không thấy những thay đổi đáng kể về phân hóa giàu nghèo của các tầng lớp dân cư trong xã hội hiện nay khi mà dấu ấn của chính sách "chia đều" còn in đậm trong mỗi người những năm trước đổi mới.

Tình hình phân hóa giàu nghèo ở VN ngày càng thể hiện rõ nét khi so sánh giữa thành thị và nông thôn cũng như giữa các vùng trong nước. Nếu như trong thời gian 1990 - 1994, GDP tăng bình quân 7,9%/năm và GDP bình quân đầu người tăng 5,4%/năm thì sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn lại là vấn đề lo ngại. GDP bình quân đầu người trong thời gian trên ở nông thôn chỉ tăng 3,2%/năm trong khi thành thị là 8,7%/năm. Điều đó làm cho GDP bình quân đầu người ở nông thôn năm 1990 bằng 31% so với thành thị thì đến năm 1994 chỉ còn 19%. Chênh lệch đó càng trở nên đặc biệt gay gắt đối với những vùng như miền núi trung du Bắc Bộ, Bắc trung bộ và duyên hải trung bộ (xem bảng 1).

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng bình quân của GDP tính bình quân đầu người của thành thị và nông thôn giai đoạn 1990 - 1994
Đơn vị tính: %

	Thành thị	Nông thôn
Cả nước	8,7	3,2
<i>Chia theo vùng sinh thái</i>		
Miền núi, trung du phía Bắc	9,7	2,1
Đồng bằng sông Hồng	3,4	5,7
Bắc trung bộ	10,4	-0,8
Duyên hải miền Trung	7,1	-0,2
Tây nguyên	6,7	3,3
Đông Nam bộ	11,8	11,8
Đồng bằng sông Cửu Long	4,7	4,7

Nguồn: *Kinh tế thị trường và các vấn đề xã hội* - Viện TTKH xã hội, Trung tâm KHXH và NVQG, 1997.

Sự chênh lệch đó cho thấy tính chất phát triển giữa các vùng cũng như cơ cấu nông thôn và thành thị trong mỗi vùng. Sự tăng trưởng GDP đầu người của thành thị có ưu thế hơn hẳn so với nông thôn thể hiện kết quả đổi mới đem lại khá rõ nét ở thành thị trong khi nó chưa tạo ra được sự thay đổi đáng kể bộ mặt kinh tế nông thôn.

Nếu xét đến mức độ thu nhập của các tầng lớp dân cư trong xã hội, nhất là so sánh giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng và các bộ phận dân cư, chúng ta có thể thấy kết quả trên bảng 2.

Bảng 2: So sánh thu nhập bình quân đầu người/tháng

	Mức thu nhập bình quân người/tháng (1.000(đồng))	So sánh thu nhập bình quân đầu người với bình quân cả nước (lần)	Chênh lệch giữa nhóm có thu nhập cao nhất với nhóm có thu nhập thấp nhất (lần)
Bình quân cả nước	168,11	1,00	6,48
<i>Chia theo khu vực dân cư</i>			
- Thành thị	255,07	1,52	6,37
- Nông thôn	141,14	0,84	5,40
<i>Chia theo vùng sinh thái</i>			
- Miền núi, trung du phía Bắc	132,36	0,79	5,22
- Đồng bằng sông Hồng	163,34	0,97	5,55
- Bắc trung bộ	133,00	0,79	5,24
- Duyên hải miền trung	144,72	0,86	4,90
- Tây nguyên	197,15	1,17	10,09
- Đông Nam bộ	275,34	1,64	7,41
- Đồng bằng sông Cửu Long	181,65	1,08	6,08
<i>Chia theo nhóm thu nhập</i>			
- Nhóm I	63,04	0,37	
- Nhóm II	99,01	0,59	
- Nhóm III	133,19	0,79	
- Nhóm IV	186,02	1,11	
- Nhóm V	408,54	2,43	
Tính thấp nhất	99,19*	0,59	3,95 (a)
Tính cao nhất	413,26**	2,46	10,56(b)

* Tỉnh Lai Châu * TP.HCM

(a) Tỉnh Hà Giang (b) Tỉnh Daklak

Nguồn: Tổng cục thống kê 4.1997

Như vậy, so với bình quân chung, mức thu nhập của thành thị lớn gấp 1,52 lần trong khi nông thôn chỉ bằng 0,84 lần, còn so sánh trực tiếp về thu nhập bình quân đầu người/tháng thì khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn 1,81 lần. Điều đó cho thấy nông thôn là địa bàn chiếm tới 80% dân số cả nước thì lại có mức thu nhập nhỏ hơn bình quân chung nghĩa là đại đa số nông dân nước ta đang sống ở khu vực đói nghèo.

Theo các vùng sinh thái, kết quả điều tra trên cho thấy trừ các hộ thuộc Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng Bắc bộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn bình quân chung, các vùng còn lại đều thấp hơn bình quân chung, thấp nhất là vùng miền núi, trung du Bắc bộ và Bắc trung bộ - hai vùng có tỷ lệ người nghèo đói vào loại cao nhất nước ta hiện nay.

Các nhóm thu nhập được phân chia thành từ I đến V tương đương với các mức độ của nghèo đói, nghèo, trung bình, khá và giàu có. Mức nghèo đói hiện có thu nhập mới chỉ bằng 37% so với mức bình quân chung và chỉ bằng 15% so với nhóm giàu có. Điều đó thể hiện khoảng cách khá lớn giữa hộ giàu và hộ nghèo trên phạm vi cả nước.

Tỉnh có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất (Lai Châu) chỉ bằng khoảng 60% so với bình quân chung trong khi tỉnh có thu nhập cao nhất (TP.HCM) lại cao hơn bình quân chung 2,46 lần; còn so với Lai Châu thì TP.HCM cao hơn 4,17 lần.

Nếu như bình quân cả nước, chênh lệch giữa nhóm có thu nhập cao nhất và nhóm có thu nhập thấp nhất là 6,48 lần thì khu vực thành thị, mức chênh lệch giữa các nhóm thu nhập lớn hơn khu vực nông thôn (6,37 và 5,40 lần). Rõ ràng tầng lớp nghèo ở thành thị có tỷ lệ thấp nhưng mức độ nghèo đói so với tầng lớp giàu có đã bắt đầu trở nên sâu sắc. Các tỉnh và các vùng có thu nhập bình quân đầu người cao cũng có hiệu tượng tương tự.

Người giàu ở nước ta hiện nay tuy chiếm tỷ lệ chưa nhiều, nhưng bắt đầu đã được nhận dạng một cách dễ

dàng. Ở thành thị, họ phần lớn là những thương gia, những quan chức và viên chức mới nổi lên trong những năm gần đây do gặp cơ hội buôn bán hoặc lợi thế của một số ngành nghề và địa vị công tác mang lại. Số giàu có từ sản xuất kinh doanh còn ít. Ở nông thôn, mức độ khá giả và giàu có thấp hơn nhiều so với thành thị. Người giàu có và khá giả có nguồn gốc sản xuất kinh doanh chiếm tỷ lệ lớn bởi vì cơ hội buôn bán cũng như những ngành nghề có khả năng tạo ra thu nhập cao ở nông thôn không giống thành thị.

Người nghèo còn chiếm tỷ lệ khá nổi trội ở các khu vực và các vùng sinh thái trong cả nước. Người nghèo ở thành thị đa số là những hộ mới lập gia đình, làm việc trong những ngành có thu nhập thấp hoặc không có việc làm ổn định, học vấn thấp, con cái còn bé... Người nghèo ở nông thôn là những người chỉ làm nông nghiệp nhưng lại thiếu đất, thiếu vốn, đông con, không có kinh nghiệm làm ăn, trình độ học vấn thấp, một số ít gặp rủi ro, lười biếng, tệ nạn...

Trong cả nước, năm 1994 người nghèo còn chiếm tỷ lệ 18,06% (nông thôn 20,19% và thành thị là 8,57%). Những vùng có tỷ lệ nghèo cao là Tây Nguyên (gần 1/3 số hộ), miền núi trung du bắc bộ và bắc trung bộ (khoảng 1/4 số hộ thuộc hộ nghèo). Những con số đó đang là mối quan tâm của toàn xã hội (xem bảng 3)

Như vậy, đổi mới kinh tế trong những năm gần đây đã tạo ra những thành quả rất đáng khâm phục, nhưng cũng còn nhiều mặt đang đòi hỏi phải giải quyết. Phân hóa giàu nghèo đã trở thành rõ nét và hiệu hữu. Tuy mức độ tính trên phạm vi lớn là chưa gay gắt, nhưng cần phải có chiến lược giải quyết một cách đồng bộ, khẩn trương để sự phân hóa không trở thành phân tầng xã hội.

Bảng 3: Tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước (năm 1994)

Đơn vị tính: %

	Chung	Thành thị	Nông thôn
Cả nước	18,06	8,57	20,19
<i>Chia theo vùng sinh thái</i>			
- Miền núi, trung du phía Bắc	23,39	8,60	25,97
- Đồng bằng sông Hồng	12,09	5,11	13,72
- Bắc trung bộ	23,18	12,67	24,71
- Duyên hải miền Trung	16,27	10,00	18,35
- Tây Nguyên	28,17	11,35	32,53
- Đông Nam bộ	9,69	3,42	12,36
- Đồng bằng sông Cửu Long	16,30	11,13	17,27

Nguồn: Tổng cục thống kê 4.1997

3. Nhà nước có vai trò gì trong xử lý quan hệ giữa phát triển kinh tế và phân hóa giàu nghèo?

Nhà nước có vai trò quyết định đối với chiến lược bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và hạn chế sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội. Nhà nước bằng cơ chế, chính sách và luật pháp tạo ra môi trường và điều kiện để khuyến khích phát triển kinh tế, điều tiết sự chênh lệch giàu nghèo và trợ giúp người nghèo.

Một khi đói nghèo được coi là vấn đề xã hội có tính toàn cầu, đói nghèo là nguồn gốc và mầm mống gây mất ổn định xã hội thì Nhà nước phải là người chịu trách nhiệm chính với vấn đề đói nghèo. Tăng trưởng kinh tế bản thân nó không tự giải quyết được hết các vấn đề xã hội, nhất là vấn đề nghèo đói. Công bằng xã hội phải được coi là hạt nhân trong các chính sách xã hội của Nhà nước. Công bằng xã hội thực hiện hợp lý hóa trong điều hòa các quan hệ xã hội, bảo đảm lợi ích giữa các nhóm, các tầng lớp trong xã hội.

Nhà nước có các vai trò chủ yếu đối với phát triển kinh tế và hạn chế phân hóa giàu nghèo như sau:

- Giải quyết quan hệ phân hóa giàu nghèo để bảo đảm công bằng xã hội phải hướng vào mục tiêu phát triển

con người. Một mặt, Nhà nước phải tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp, khẳng định quyền lợi và sở hữu đối với tài sản làm ra hợp pháp của họ để họ tin tưởng vào chính sách của Nhà nước, làm cho người giàu thì giàu thêm, đồng thời kiên quyết chống hiện tượng làm giàu phi pháp. Mặt khác cần có chính sách xóa đói nghèo, hỗ trợ người nghèo, vùng nghèo vươn lên thoát khỏi cảnh đói nghèo, để người nghèo trở thành đủ ăn và khá lên, không để nghèo đói trở thành những "điểm nóng" của xã hội.

- Nhà nước tham gia giải quyết quan hệ giàu nghèo thực chất là giải quyết vấn đề xã hội để bảo đảm công bằng xã hội bằng chính các chính sách kinh tế xã hội. Chính sách phải làm cho mọi người vươn lên giàu có, vì vậy phải ưu tiên trợ giúp vùng nghèo, người nghèo.

Nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên, ưu đãi không phải là thực hiện chính sách "bất công bằng" mà là chính sách điều hòa quyền lợi của các tầng lớp trong xã hội vì lợi ích lâu dài cả cộng đồng. Một khi phân hóa xã hội giảm đi sẽ làm giảm đối kháng xã hội, khi đó nhà nước sẽ vững mạnh, bảo đảm ổn định, gây niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của nhà nước.

- Nhà nước có vai trò trong phát triển nhất quán và toàn diện kinh tế - xã hội cũng như trong giải quyết quan hệ chênh lệch về mọi mặt giữa thành thị và nông thôn, công nghiệp và nông nghiệp, công nhân và nông dân. Không nên tập trung ưu tiên phát triển thành thị mà tạo điều kiện để phát triển cả thành thị và nông thôn, có biện pháp để thành thị đầu tư vào nông thôn.

- Nhà nước tăng cường hiệu lực của công cụ điều tiết xã hội như thuế, trợ cấp xã hội. Ở đây nhà nước sử dụng quyền phân phối lại lợi tức trong xã hội, nhưng để giảm đối xử phân biệt với sản xuất, nhà nước cần phải thay thuế gián thu bằng các sắc thuế trực thu. Nhà nước không thể làm phân phối lại tùy tiện có tính chất tước hữu được, bởi vì đó là chính sách bất công bằng và không khuyến khích người giàu đầu tư, làm giảm tin tưởng của người giàu đối với chính sách nhà nước.

Nhà nước không phải là người triệt tiêu sự phân hóa mà chủ động nắm quyền phân phối lại của mình để tạo thêm động lực phát triển và làm như vậy sẽ giảm sự phân hóa.

- Nhà nước phải tập trung chăm lo hạ tầng kinh tế - xã hội cho cả nước nhất là vùng nghèo để họ có điều kiện bình đẳng như vùng giàu. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội là việc làm không có địa phương nào, cộng đồng người nào có thể gánh vác được bởi vì nó hết sức tốn kém và có tác dụng lâu dài, về nhiều mặt trong toàn xã hội. Hạ tầng cơ sở vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo phải từng bước được cải thiện để giảm sự bất hợp lý và công bằng về điều kiện phát triển giữa các vùng đối với thành thị. Một khi hạ tầng cơ sở được chăm lo, nhà nước sẽ giảm được gánh nặng về di dân tự do, vô tổ chức giữa các vùng và sự di dân vào các thành phố gây ra những mất ổn định xã hội.

Tóm lại, vai trò nhà nước là quyết định trong việc giải quyết quan hệ giữa bảo đảm kinh tế phát triển nhanh chóng và hạn chế bớt sự phân hóa giàu nghèo làm ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn xã hội. Không có quốc gia nào trên thế giới mà nhà nước lại đứng ngoài cuộc trong việc giải quyết vấn đề xã hội. Nhà nước VN phải xứng đáng là nhà nước vừa có khả năng lãnh đạo phát triển kinh tế vừa là người tiên phong trong giải quyết các vấn đề xã hội để bảo đảm mục tiêu định hướng phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tham luận trong hội thảo: "Tiếp tục đổi mới chính sách đối với các thành phần kinh tế nhằm xây dựng, và hoàn thiện QHSX theo định hướng XHCN ở Việt Nam" được tổ chức tại trường Đại học Kinh tế TP. HCM ngày 21 - 22.9.1998